

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 50/TTr-SYT ngày 28/02/2024 và Công văn số 758/SYT-KHTC ngày 12/3/2024; đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 704/STC-TCHCSN ngày 06/3/2024 và Công văn số 796/STC-TCHCSN ngày 15/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Tổng kinh phí thực hiện dự kiến: **62.997.346.750 đồng** (*Sáu mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí đã được UBND tỉnh giao dự toán năm 2024, nội dung mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh (63.000.000.000 đồng) tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023.

Đơn giá mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này là đơn giá dự kiến để phê duyệt tổng danh mục cho phù hợp với tổng kinh phí được UBND tỉnh giao dự toán Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 (không vượt 63.000.000.000 đồng). Khi tổ chức thực hiện mua sắm, các cơ sở y tế có liên quan phải thực hiện đầy đủ thủ tục, trình tự về xây dựng, thẩm định, trình duyệt giá dự toán, giá gói thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm giao nhiệm vụ mua sắm; chủ trì, phối hợp Sở Tài chính phân bổ kinh phí và giao dự toán mua sắm cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh có liên quan để tổ chức thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ sở y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế nêu tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác mua sắm đấu thầu, thanh quyết toán kinh phí thực hiện, hạch toán, báo cáo kê khai tăng tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện mua sắm đấu thầu của các cơ sở y tế tuyến tỉnh có liên quan; báo cáo các vướng mắc, khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết để đảm bảo việc mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế kịp thời, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ sở y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K15.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục:

Danh mục mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ sở y tế/ Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế	ĐVT	Số lượng hiện có tại cơ sở y tế	Tiêu chuẩn, định mức theo QĐ số 63/2023/QĐ-UBND		Số lượng hiện có thừa (+)/ thiếu (-) so với QĐ 63	Số lượng cơ sở y tế đề xuất mua sắm	Đơn giá dự kiến (do cơ sở y tế xây dựng, lựa chọn và đề nghị (đồng))	Thành tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú (Hiện trạng thiết bị của cơ sở y tế)
I	Bệnh viện đa khoa tỉnh								20.893.987.000	
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	6	(STT A.1.a)	-5	1	3.800.000.000	3.800.000.000	
2	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	4	9	(STT A.5.a)	-5	1	2.450.000.000	2.450.000.000	
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	8	16	(STT A.5.b)	-8	1	2.680.000.000	2.680.000.000	
4	Máy thở (Máy thở không xâm lấn)	Máy	135	175	(STT A.9)	-40	1	405.000.000	405.000.000	
5	Máy thở (Máy trợ thở áp lực dương liên tục - CPAP (Máy thở CPAP)						1	200.000.000	200.000.000	
6	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Máy	3	5	(STT B.311)	-2	1	1.710.000.000	1.710.000.000	
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật xoang (Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi mũi xoang)	Máy	0	4	(STT B.58)	-4	1	532.797.000	532.797.000	
8	Tủ an toàn sinh học các loại (cấp II)	Cái	7	12	(STT B.345)	-5	2	365.000.000	730.000.000	

TT	Tên cơ sở y tế/ Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế	ĐVT	Số lượng hiện có tại cơ sở y tế	Tiêu chuẩn, định mức theo QĐ số 63/2023/QĐ-UBND		Số lượng hiện có thừa (+)/ thiếu (-) so với QĐ 63	Số lượng cơ sở y tế đề xuất mua sắm	Đơn giá dự kiến (do cơ sở y tế xây dựng, lựa chọn và đề nghị (đồng))	Thành tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú (Hiện trạng thiết bị của cơ sở y tế)
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi sản phụ khoa	Bộ	2	6	(STT B.47)	-4	2	476.595.000	953.190.000	
10	Hệ thống nước R.O phục vụ chạy thận nhân tạo (Hệ thống lọc nước R.O dùng cho thận nhân tạo)	Hệ thống	2	4	(STT B.121)	-2	2	2.000.000.000	4.000.000.000	
11	Tủ lạnh âm chuyên dụng (Tủ lạnh âm chuyên dụng -75 độ bảo quản xương sọ)	Cái	8	17	(STT B.348)	-9	1	393.000.000	393.000.000	
12	Máy hấp nhiệt độ cao các loại (Máy hấp nhiệt độ cao 800 lít)	Máy	4	10	(STT C.24)	-6	1	2.490.000.000	2.490.000.000	
13	Máy sấy đồ vải	Máy	4	6	(STT C.39)	-2	1	550.000.000	550.000.000	
II	Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn								26.115.545.750	
1	Bàn mổ	Cái	5	7	(STT A.19)	-2	1	2.299.000.000	2.299.000.000	
2	Hệ thống phẫu thuật nội soi (Hệ thống phẫu thuật nội soi tổng quát)	Hệ thống	3	4	(STT A.16)	-1	1	3.515.000.000	3.515.000.000	Có 01 hệ thống đã hỏng, làm thủ tục thanh lý theo quy định
3	Hệ thống phẫu thuật nội soi (Hệ thống phẫu thuật nội soi tai mũi họng)						1	1.682.045.750	1.682.045.750	
4	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	4	(STT A.4.b)	-1	1	2.150.000.000	2.150.000.000	

TT	Tên cơ sở y tế/ Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế	ĐVT	Số lượng hiện có tại cơ sở y tế	Tiêu chuẩn, định mức theo QĐ số 63/2023/QĐ-UBND		Số lượng hiện có thừa (+)/ thiếu (-) so với QĐ 63	Số lượng cơ sở y tế đề xuất mua sắm	Đơn giá dự kiến (do cơ sở y tế xây dựng, lựa chọn và đề nghị (đồng))	Thành tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú (Hiện trạng thiết bị của cơ sở y tế)
5	Máy XQ kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	3	(STT A.1.a)	-2	1	3.350.000.000	3.350.000.000	
6	Hệ thống tán sỏi (Laser)	Hệ thống	0	1	(STT B.85)	-1	1	5.595.500.000	5.595.500.000	
7	Bộ đặt nội khí quản có Camera	Bộ	1	10	(STT B.88)	-9	8	70.000.000	560.000.000	
8	Khoan xương	Cái	3	5	(STT B.91)	-2	2	82.000.000	164.000.000	
9	Nồi hấp tiệt trùng (Nồi hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp)	Cái	9	12	(STT B.162)	-3	1	3.800.000.000	3.800.000.000	
10	Nồi hấp tiệt trùng (Nồi hấp tiệt trùng nhiệt độ cao)						1	700.000.000	700.000.000	
11	Máy phân tích huyết học	Máy	3	6	(STT B.139)	-3	1	1.320.000.000	1.320.000.000	
12	Đèn điều trị vàng da	Bộ	7	8	(STT B.65)	-1	6	30.000.000	180.000.000	Có 05 bộ đèn đang làm thủ tục thanh lý theo quy định
13	Ghế khám điều trị tai mũi họng	Cái	0	3	(STT B.73)	-3	1	230.000.000	230.000.000	
14	Máy giặt công nghiệp	Máy	6	10	(STT C.17)	-4	1	570.000.000	570.000.000	
III	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi								1.107.690.000	
1	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hệ thống	1	2	(STT A.4)	-1	1	590.000.000	590.000.000	
2	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	1	1	(STT B.17)	0	1	39.890.000	39.890.000	Có 01 máy đang làm thủ tục thanh lý theo quy định

TT	Tên cơ sở y tế/ Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế	ĐVT	Số lượng hiện có tại cơ sở y tế	Tiêu chuẩn, định mức theo QĐ số 63/2023/QĐ-UBND		Số lượng hiện có thừa (+)/ thiếu (-) so với QĐ 63	Số lượng cơ sở y tế đề xuất mua sắm	Đơn giá dự kiến (do cơ sở y tế xây dựng, lựa chọn và đề nghị (đồng)	Thành tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú (Hiện trạng thiết bị của cơ sở y tế)
3	Máy hút dịch (hút đờm nhớt)	Máy	10	15	(STT B.10)	-5	5	38.000.000	190.000.000	
4	Tủ sấy dụng cụ ≥120 lít	Cái	2	3	(STT B.24)	-1	1	47.800.000	47.800.000	
5	Máy phun khử khuẩn buồng bệnh	Máy	1	2	(STT C.6)	-1	2	120.000.000	240.000.000	Có 01 máy hỏng, làm thủ tục thanh lý theo quy định
IV	Bệnh viện Tâm thần								7.690.000.000	
1	Máy X- Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	0	1	(STT A.1.a)	-1	1	3.350.000.000	3.350.000.000	
2	Máy kích thích từ xuyên sọ	Máy	0	1	(STT B.8)	-1	1	2.080.000.000	2.080.000.000	
3	Máy xét nghiệm sinh hóa	Hệ thống	2	2	(STT A.4)	0	1	1.090.000.000	1.090.000.000	Có 02 hệ thống đang làm thủ tục thanh lý theo quy định
4	Máy phân tích huyết học.	Máy	1	2	(STT B.10)	-1	1	450.000.000	450.000.000	Có 01 máy làm thủ tục thanh lý theo quy định
5	Máy điện não .	Máy	2	3	(STT A.10)	-1	1	720.000.000	720.000.000	Có 02 máy làm thủ tục thanh lý theo quy định
V	Bệnh viện YHCT & PHCN								7.190.124.000	
1	Máy Laser điều trị (công suất cao)	Máy	3	50	(STT B.50)	-47	2	980.000.000	1.960.000.000	
2	Máy điều trị bằng sóng ngắn	Máy	2	8	(STT B.24)	-6	2	402.062.000	804.124.000	
3	Máy thủy trị liệu (Bồn thủy trị liệu toàn thân kết hợp điện trị liệu)	Máy	0	4	(STT B.62)	-4	2	840.000.000	1.680.000.000	

TT	Tên cơ sở y tế/ Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế	ĐVT	Số lượng hiện có tại cơ sở y tế	Tiêu chuẩn, định mức theo QĐ số 63/2023/QĐ-UBND		Số lượng hiện có thừa (+)/ thiếu (-) so với QĐ 63	Số lượng cơ sở y tế đề xuất mua sắm	Đơn giá dự kiến (do cơ sở y tế xây dựng, lựa chọn và đề nghị (đồng))	Thành tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú (Hiện trạng thiết bị của cơ sở y tế)
4	Máy xông thuốc đông y (Máy xông thuốc toàn thân)	Máy	0	10	(STT B.69)	-10	6	220.000.000	1.320.000.000	
5	Máy trị liệu nhiệt lạnh	Máy	0	3	(STT B.52)	-3	2	335.000.000	670.000.000	
6	Máy kích thích nói nuốt (Máy điều trị nuốt và luyện tập phát âm)	Máy	0	3	(STT B.47)	-3	2	378.000.000	756.000.000	
<u>Tổng cộng</u>									<u>62.997.346.750</u>	

Ghi chú: Đơn giá mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng nêu tại Phụ lục này là đơn giá dự kiến để phê duyệt tổng danh mục cho phù hợp với tổng kinh phí được UBND tỉnh giao dự toán Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 (không vượt 63.000.000.000 đồng). Khi tổ chức thực hiện mua sắm, các cơ sở y tế có liên quan phải thực hiện đầy đủ thủ tục, trình tự về xây dựng, thẩm định, trình duyệt giá dự toán, giá gói thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước./.

